TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2022/HNGĐ- ST
Ngày 07/12/2022.
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Võ Thị Ngọc The**
2. Bà Phan Thị Trúc Phương
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thiên T**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T Đ, xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị Đơn*: Ông **Bùi Viết T**, sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T Đ, xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thiên T trình bày: Tôi và ông Bùi Viết T chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/09/2005. Trước khi cưới vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc sau đó đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi quá ghen tuông vì nghi ngờ tôi có quan hệ với người đàn ông khác, do đó chồng tôi có hành động bạo lực đánh tôi, uy hiếp tinh thần của tôi, nhưng trên thực tế tôi rất chung thủy với chồng tôi và tôi không có quan hệ với bất cứ ai. Tôi có khuyên chồng tôi nhiều lần nhưng chồng tôi không nghe. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 09 năm 2022 đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Cháu Bùi Ngọc Phương T, sinh ngày 13/01/2006

2/ Cháu Bùi Ngọc Minh T, sinh ngày 10/06/2007

Các cháu hiện nay đang chung sống với vợ chồng tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với ông Bùi Viết T.

Về quan hệ con chung: tôi xin nhận nuôi cháu Bùi Ngọc Phương T, sinh ngày 13/01/2006, đồng thời tôi giao cháu Bùi Ngọc Minh T, sinh ngày 10/06/2007 cho ông Bùi Viết T nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn ông Bùi Viết T trình bày**: Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 10/11/2022 của ông T trình bày: Qua lời trình bày của vợ tôi về ngày tháng, năm kết hôn, có tổ chức đám cưới, có 02 con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì tôi và bà T có cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì lớn, tôi vẫn còn thương vợ, thương con nên tôi không đồng ý ly hôn.

Tại Tòa án ông T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thiên T.

Về quan hệ con chung: Tôi xin được nhận nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Minh T, sinh ngày 10/06/2007, đồng thời tôi đồng ý giao cháu Bùi Ngọc Phương T, sinh ngày 13/01/2006 cho bà Nguyễn Thị Thiên T nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** ông Bùi Viết T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ông T đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của bà T về quan hệ hôn nhân, bà xin được ly hôn với ông Bùi Viết T là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do ông T quá ghen tuông vì nghi ngờ bà T có quan hệ với người đàn ông khác, do đó ông T có hành động bạo lực đánh bà T, uy hiếp tinh thần của bà T. Bà T có khuyên ông T nhiều lần nhưng ông T không nghe. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của bà T xin được ly hôn với ông T được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** bà T xin được nhận nuôi cháu Bùi Ngọc Phương T, sinh ngày 13/01/2006 và đồng thời bà T xin giao cháu Bùi Ngọc Minh T, sinh ngày 10/06/2007 cho ông T nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Bùi Ngọc Phương T, sinh ngày 13/01/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời giao cháu Bùi Ngọc Minh T, sinh ngày 10/06/2007 cho ông T nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do cháu Bùi Ngọc Phương T hiện nay 16 tuổi và nguyện vọng của cháu T là sau khi bà T và ông T ly hôn thì cháu T sẽ sống với mẹ và ông T cũng đồng ý giao cháu Bùi Ngọc Phương T cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Bùi Ngọc Phương T cho bà T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời giao cháu Bùi Ngọc Minh T, sinh ngày 10/06/2007 cho ông T trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế. Do cháu Bùi Ngọc Minh T hiện nay 16 tuổi và nguyện vọng của cháu Bùi Ngọc Minh T là sau khi bà T và ông T ly hôn thì cháu Bùi Ngọc

Minh T sẽ sống với cha và bà T cũng đồng ý giao cháu Bùi Ngọc Minh T cho ông T nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Bùi Ngọc Minh T cho ông T trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Bà T và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5]Xét lời yêu cầu của bị đơn ông Bùi Viết T về quan hệ hôn nhân: ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thiên T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân ông T quá ghen tuông vì nghi ngờ bà T có quan hệ với người đàn ông khác, do đó ông T có hành động bạo lực đánh bà T, uy hiếp tinh thần của bà T. Từ đó bà T và ông T bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc hòa giải giữa bà T và ông T tại Tòa án không thành.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại của ông Bùi Viết T.

[6] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do bà T và ông T không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: bà T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002115 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Bà T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thiên T và ông Bùi Viết T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Thiên T và ông Bùi Viết T. Giao cháu Bùi Ngọc Phương T, sinh ngày 13/01/2006 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Đồng thời giao cháu Bùi Ngọc Minh T, sinh ngày 10/06/2007 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Bùi Ngọc Phương T, cháu Bùi Ngọc Minh T là sau khi bà T và ông T ly hôn thì cháu Bùi Ngọc Phương T sẽ sống với bà T, còn cháu Bùi Ngọc Minh T sẽ

sống với ông T. Bà T và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thiên T nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002115 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Bà T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Nguyễn Thị Thiên T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho ông Bùi Viết T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật